



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 7

Số 42 (01/7/2007)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
---------------	--------------------	-------

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

14-6-2007	- Quyết định số 85/2007/QĐ-UBND về ban hành Quy định tuyến và thời gian vận chuyển chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	3
20-6-2007	- Quyết định số 2665/QĐ-UBND về phê duyệt phương án quy hoạch hệ thống tổ chức giới thiệu việc làm trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2006 - 2010.	14
21-6-2007	- Quyết định số 2674/QĐ-UBND về duyệt Nhiệm vụ quy hoạch đồ án điều chỉnh quy hoạch chung quận 8, thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025.	17
22-6-2007	- Quyết định số 86/2007/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố.	24

SỞ TƯ PHÁP

- 06-6-2007 - Công văn số 1603/STP-BTTP về việc cam kết quan hệ về nhân thân trong khai nhận di sản, thỏa thuận phân chia di sản. 35

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

- 04-6-2007 - Quyết định số 09/2007/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dạy nghề quận 12. 36
- 05-6-2007 - Quyết định số 10/2007/QĐ-UBND-VHTT về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành hoạt động văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội quận 12. 46
- 11-6-2007 - Quyết định số 12/2007/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế quận 12 56

THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 85/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Quy định tuyến và thời gian vận chuyển
chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 152/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 80/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 81/2006/NĐ-CP, ngày 09 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3572/TTr-TNMT-CTR ngày 14 tháng 5 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này, Quy định tuyến và thời gian

vận chuyển chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Tuyên và thời gian vận chuyển chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 85/2007/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quy định này quy định các yêu cầu về tuyên và thời gian hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại; quy định trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại bằng các phương tiện vận tải bộ trên địa bàn thành phố.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong phạm vi Quy định này, các thuật ngữ sau đây được hiểu:

1. Vận chuyển chất thải nguy hại là quá trình hoạt động quản lý chất thải nguy hại từ nơi phát sinh, thu gom, lưu giữ đến nơi tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy, thải loại.

2. Thời gian vận chuyển chất thải nguy hại là khoảng thời gian tính từ khi chất thải nguy hại được vận chuyển ra khỏi nơi phát sinh, thu gom, lưu giữ đến nơi tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy, thải loại.

3. Tuyên vận chuyển chất thải nguy hại là các lộ trình, tuyến giao thông đường bộ được phép vận chuyển chất thải nguy hại.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ TUYẾN VÀ THỜI GIAN VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI NGUY HẠI

Điều 4. Các nguyên tắc trong vận chuyển chất thải nguy hại

1. Việc vận chuyển chất thải nguy hại từ nơi phát sinh, thu gom, lưu giữ đến nơi tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy, thải loại phải tuân thủ các quy định về tuyến và thời gian vận chuyển, các quy định về bảo vệ môi trường trong vận chuyển chất thải nguy hại và các quy định về giao thông đường bộ.

2. Việc vận chuyển chất thải nguy hại phải đảm bảo an toàn cho con người và môi trường, không phát tán hoặc để rơi vãi chất thải nguy hại, không để xảy ra các rủi ro gây sự cố môi trường.

3. Hạn chế vận chuyển chất thải nguy hại trên các tuyến đường có các cơ quan hành chính Nhà nước, trường học, bệnh viện và các vị trí tập trung đông người như: trung tâm thể dục thể thao, nhà hát, rạp chiếu phim, rạp hát...

4. Trong điều kiện phương tiện vận chuyển vận hành bình thường, cấm việc dừng, đỗ, đậu trong toàn bộ quá trình vận chuyển trừ trường hợp có sự cố môi trường do chất thải nguy hại gây ra.

5. Phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại phải là xe chuyên dùng. Nếu phương tiện vận chuyển chất thải nguy hại dễ cháy, nổ phải trang bị đầy đủ các thiết bị chống cháy nổ theo quy định của Luật Phòng cháy, chữa cháy.

Điều 5. Thời gian vận chuyển chất thải nguy hại

Thời gian được phép vận chuyển chất thải nguy hại cụ thể như sau:

- Đối với các tuyến đường vành đai: không hạn chế thời gian.
- Đối với các tuyến đường nội đô: từ 9h00 đến 16h00 và từ 21h00 đến 6h00 sáng hôm sau.

Điều 6. Tuyến đường vận chuyển chất thải nguy hại

1. Việc vận chuyển chất thải nguy hại từ các khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn thành phố đến các địa điểm lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy, thải loại bắt buộc theo các tuyến đường sau:

- a) Từ Khu chế xuất Linh Trung I → Quốc lộ 1A.
- b) Từ Khu chế xuất Linh Trung II → Tỉnh lộ 43 → Quốc lộ 1A.

- c) Từ Khu chế xuất Tân Thuận → đường Nguyễn Văn Linh → Quốc lộ 1A.
- d) Từ Khu công nghiệp Bình Chiểu → Tỉnh lộ 43 → Quốc lộ 1A.
- đ) Từ Khu công nghiệp Cát Lái II → đường Nguyễn Thị Định → Xa lộ Hà Nội → Quốc lộ 1A.
- e) Từ Khu công nghiệp Phong Phú → Quốc lộ 50 → đường Nguyễn Văn Linh → Quốc lộ 1A.
- g) Từ Khu công nghiệp Tân Bình → đường Tây Thạnh → đường Lê Trọng Tấn → Quốc lộ 1A hoặc từ Khu công nghiệp Tân Bình → đường Tây Thạnh → đường Trường Chinh → Quốc lộ 1A.
- h) Từ Khu công nghiệp Tân Phú Trung → Quốc lộ 22 → Quốc lộ 1A.
- i) Từ Khu công nghiệp Tân Thới Hiệp → đường Nguyễn Ảnh Thủ → đường Tô Ký → Quốc lộ 1A.
- k) Từ Khu công nghiệp Tân Tạo → Quốc lộ 1A.
- l) Từ Khu công nghiệp Vĩnh Lộc → đường Nguyễn Thị Tú → Quốc lộ 1A.
- m) Từ Khu công nghiệp Hiệp Phước → đường Nguyễn Văn Tạo → đường Nguyễn Văn Linh → Quốc lộ 1A.
- n) Từ Khu công nghiệp Lê Minh Xuân → đường Trần Đại Nghĩa → Quốc lộ 1A.
- o) Từ Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi → Quốc lộ 22 → Quốc lộ 1A.

2. Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại phát sinh từ các nguồn thải ngoài các khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn thành phố; từ các tỉnh, thành khác về thành phố và từ thành phố đi các tỉnh, thành khác không thể sử dụng các tuyến đường cho phép theo quy định tại khoản 1 Điều này thì tổ chức, cá nhân phải gửi lộ trình tuyến vận chuyển chất thải nguy hại đến Sở Tài nguyên và Môi trường để được hướng dẫn trước khi tiến hành vận chuyển (mẫu đơn và hồ sơ hướng dẫn quy định tại Phụ lục 1 của Quy định này).

Điều 7. Dấu hiệu cảnh báo

1. Các phương tiện trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại phải có biển báo “XE VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI NGUY HẠI” và tên công ty, địa chỉ, số điện thoại liên hệ trước, sau và hai bên phương tiện.

2. Có các dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707-2000.

Chương III
TRÁCH NHIỆM, NGHĨA VỤ CỦA CÁC ĐƠN VỊ
HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI NGUY HẠI

Điều 8. Trách nhiệm của các đơn vị hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại

1. Các tổ chức, cá nhân hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại phải tuân thủ các yêu cầu về trách nhiệm, nghĩa vụ được hướng dẫn tại Thông tư số 12/2006/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2006 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn điều kiện hành nghề và thủ tục lập hồ sơ, đăng ký, cấp phép hành nghề, mã số quản lý chất thải nguy hại.

2. Tổ chức, cá nhân chỉ được phép hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại theo những tuyến đường và thời gian quy định tại Chương II của Quy định này.

3. Có kế hoạch về thời gian và thiết lập tuyến vận chuyển chất thải nguy hại trước khi nhận chất thải từ chủ nguồn thải trình Sở Tài nguyên và Môi trường có văn bản xác nhận.

4. Tổ chức, cá nhân tham gia vận chuyển chất thải nguy hại phải có các biện pháp phòng ngừa; khẩn cấp thông báo cho các cơ quan chức năng kịp thời xử lý khi xảy ra sự cố, rủi ro trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

5. Mọi hành vi vận chuyển chất thải nguy hại không tuân thủ các quy định về tuyến và thời gian vận chuyển chất thải nguy hại đều bị xem là vi phạm và bị xử lý vi phạm theo các nội dung quy định tại Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002; Nghị định số 134/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002; Nghị định số 81/2006/NĐ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2006 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, Nghị định số 152/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Điều 9. Nghĩa vụ của các đơn vị hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại

1. Hợp tác, đáp ứng các yêu cầu theo quy định của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình kiểm tra, giám sát hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại.

2. Xuất trình, cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến việc quản lý vận chuyển chất thải nguy hại.

3. Có thông báo bằng văn bản và phải được sự đồng ý của các cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp vận chuyển chất thải nguy hại nằm ngoài các tuyến và thời gian quy định tại Chương II của Quy định này.

Chương IV

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Điều 10. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chủ trì, phối hợp Công an thành phố, Sở Giao thông - Công chính, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức, các nhân tham gia vận chuyển chất thải nguy hại trên địa bàn thành phố.

2. Chủ trì phối hợp với Sở Giao thông - Công chính và Công an thành phố xem xét hướng dẫn các tuyến vận chuyển chất thải nguy hại quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này. Trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của đơn vị vận chuyển, Sở Tài nguyên và Môi trường phải có trả lời bằng văn bản hướng dẫn.

3. Chủ trì phối hợp với Công an thành phố, Sở Giao thông - Công chính rà soát, điều chỉnh, bổ sung tuyến và thời gian vận chuyển chất thải nguy hại khi có thay đổi về quy định vận chuyển chất thải nguy hại và các địa điểm liên quan đến nơi phát sinh, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy, thải loại chất thải nguy hại.

4. Quản lý chứng từ chất thải nguy hại.

5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng/lần và đột xuất cho Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình quản lý hoạt động thu gom vận chuyển chất thải nguy hại trên địa bàn.

Điều 11. Công an thành phố

1. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông - Công chính, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện kiểm tra giám sát hoạt động của các tổ chức, cá nhân tham gia vận chuyển chất thải nguy hại trên địa bàn.

2. Chỉ đạo các đơn vị chức năng giám sát chặt chẽ hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại trên địa bàn.

3. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn tuyến vận chuyển chất thải nguy hại quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này. Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thẩm định tuyến vận chuyển chất thải nguy hại của Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an thành phố phải có trả lời bằng văn bản thẩm định.

4. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông - Công chính rà soát, điều chỉnh, bổ sung về tuyến và thời gian vận chuyển chất thải nguy hại cho phù hợp do có thay đổi về quy định vận chuyển chất thải nguy hại và các địa điểm liên quan đến phát sinh, lưu giữ, tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy, thải loại chất thải nguy hại.

Điều 12. Sở Giao thông - Công chính

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an thành phố và các đơn vị có liên quan giám sát hoạt động của các tổ chức, cá nhân tham gia vận chuyển chất thải nguy hại trên địa bàn.

2. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn tuyến vận chuyển chất thải nguy hại quy định tại khoản 2 Điều 6 của Quy định này. Trong thời hạn 03 (ba) ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị thẩm định tuyến vận chuyển chất thải nguy hại của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông - Công chính phải có trả lời bằng văn bản thẩm định.

3. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và Công an thành phố rà soát, điều chỉnh các tuyến đường vận chuyển chất thải nguy hại trong trường hợp có các thay đổi về quy định giao thông đường bộ thuộc phân cấp quản lý.

4. Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường và Công an thành phố nghiên cứu thống nhất về quy cách biển báo hướng dẫn hướng lưu thông, vị trí lắp đặt và hoàn thành xây dựng trước khi Quy định này có hiệu lực.

Điều 13. Ủy ban nhân dân các quận - huyện

1. Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an thành phố, Sở Giao thông - Công chính thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại thuộc địa bàn quản lý.

2. Báo cáo và phối hợp xử lý với Sở Tài nguyên và Môi trường trong trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm quy định về vận chuyển chất thải nguy hại thuộc địa bàn quản lý.

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng/lần và đột xuất cho Sở Tài nguyên và Môi trường tình hình quản lý hoạt động thu gom vận chuyển chất thải nguy hại trên địa bàn quản lý.

Điều 14. Ủy ban nhân dân phường - xã

1. Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an thành phố, Sở Giao thông - Công chính, Ủy ban nhân dân quận - huyện thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại thuộc phạm vi địa bàn quản lý.

2. Thực hiện các chế độ báo cáo định kỳ 6 tháng/lần, đột xuất cho Ủy ban nhân dân quận - huyện về tình hình quản lý hoạt động thu gom vận chuyển chất thải nguy hại thuộc địa bàn quản lý.

3. Phối hợp Ủy ban nhân dân quận - huyện trong công tác kiểm tra hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại của các đơn vị hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại thuộc phạm vi địa bàn quản lý.

Điều 15. Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố

1. Phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an thành phố, Sở Giao thông - Công chính kiểm tra, giám sát hoạt động vận chuyển chất thải nguy hại đối với chất thải nguy hại phát sinh từ các khu công nghiệp, khu chế xuất.

2. Kiểm soát chất thải nguy hại, các giấy tờ pháp lý liên quan trước khi chất thải nguy hại vận chuyển ra khỏi phạm vi khu công nghiệp, khu chế xuất.

3. Có kế hoạch ứng phó sự cố, rủi ro trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại trong phạm vi quản lý.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ nội dung Quy định này, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã theo chức năng và nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc hoặc Nhà nước ban hành những quy định khác có liên quan đến các nội dung trong Quy định này, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở - ngành và các đơn vị có liên quan đề xuất nội dung cần điều chỉnh trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

PHỤ LỤC 1
BIỂU MẪU ĐƠN HƯỚNG DẪN TUYỂN VẬN CHUYÊN
CHẤT THẢI NGUY HẠI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 85/2007/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Tên đơn vị vận chuyển

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
Về việc xem xét hướng dẫn
tuyển vận chuyên chất thải
nguy hại.

Địa danh, ngày ... tháng ... năm...

Kính gửi : Sở Tài nguyên và Môi trường.

1. Danh sách các chủ nguồn thải thực hiện thu gom, vận chuyển và địa điểm chuyên giao xử lý, tiêu hủy (ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại liên hệ).
2. Loại chất thải nguy hại vận chuyển của từng chủ nguồn thải.
3. Phương tiện vận chuyển (biển số xe, tải trọng, tên tài xế và các nhân viên có liên quan đi theo phương tiện, các trang thiết bị phòng chống và xử lý sự cố).
4. Kế hoạch về thời gian và lộ trình vận chuyển chất thải nguy hại của từng chủ nguồn thải.
5. Kế hoạch ngăn ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong toàn bộ quá trình vận chuyển.

Kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét và hướng dẫn đơn vị thực hiện ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu.

Thay mặt chủ vận chuyển
(ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

PHỤ LỤC 2**MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ VẬN CHUYỂN
CHẤT THẢI NGUY HẠI TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN-HUYỆN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 85/2007/QĐ-UBND
ngày 14 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN/HUYỆN ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Địa danh, ngày ... tháng ... năm...

Số: /UBND
Về việc báo cáo định kỳ hoạt động
kiểm soát vận chuyển chất thải
nguy hại trên địa bàn quản lý.

Kính gửi: Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Các trường hợp vi phạm về thời gian và tuyến vận chuyển chất thải nguy hại
2. Kết quả phối hợp xử lý
3. Các vấn đề khác
4. Đề xuất và kiến nghị.

Trên đây là báo cáo định kỳ công tác quản lý vận chuyển chất thải nguy hại thuộc phạm vi địa bàn quản lý, kính chuyển Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2665/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt phương án quy hoạch hệ thống tổ chức giới thiệu
việc làm trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2006 - 2010**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 19/2005/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ quy định điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động của tổ chức giới thiệu việc làm;

Căn cứ Thông tư số 20/2005/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 6 năm 2005 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện Nghị định số 19/2005/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2092/SLĐTBXH-LĐ ngày 15 tháng 5 năm 2007 về việc quy hoạch hệ thống tổ chức giới thiệu việc làm trên địa bàn thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận phê duyệt phương án quy hoạch hệ thống tổ chức giới thiệu việc làm trên địa bàn thành phố, giai đoạn 2006 - 2010, bao gồm:

a) 08 trung tâm giới thiệu việc làm thuộc các Bộ, ngành và thành phố:

- Trung tâm Giới thiệu việc làm thành phố thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội - thực hiện nhiệm vụ thu thập thông tin thị trường lao động, phối hợp các quận - huyện giải quyết việc làm theo chương trình mục tiêu giải quyết việc làm hàng năm của thành phố;

- Trung tâm Giới thiệu việc làm Khu chế xuất - Khu công nghiệp thành phố thuộc Ban Quản lý các Khu Chế xuất - Khu Công nghiệp - thực hiện nhiệm vụ thu thập thông tin lao động và cung ứng lao động theo yêu cầu của các doanh nghiệp hoạt động trong khu chế xuất - khu công nghiệp;

- Trung tâm Giới thiệu việc làm Thanh niên thuộc Thành Đoàn TNCS thành phố Hồ Chí Minh - thực hiện nhiệm vụ giới thiệu việc làm cho các đối tượng là thanh niên;

- Trung tâm Giới thiệu việc làm Votec thuộc Liên đoàn Lao động thành phố - thực hiện nhiệm vụ giới thiệu việc làm cho các đối tượng là người lao động;

- Trung tâm Giới thiệu việc làm Sinh viên - Học sinh thuộc Trường Đại học Kinh tế - thực hiện nhiệm vụ giới thiệu việc làm cho sinh viên - học sinh tốt nghiệp ra trường.

- 01 trung tâm giới thiệu việc làm thuộc các tổ chức chính trị - xã hội - thực hiện nhiệm vụ giới thiệu việc làm cho các đối tượng là đoàn viên, hội viên;

- 02 trung tâm thuộc Bộ Quốc phòng - thực hiện nhiệm vụ giải quyết việc làm cho đối tượng là bộ đội xuất ngũ.

b) 13 trường dạy nghề - trung tâm dạy nghề thuộc quận - huyện được bổ sung chức năng giới thiệu việc làm;

c) 101 doanh nghiệp giới thiệu việc làm hoạt động trên địa bàn thành phố.

(Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện công tác quản lý Nhà nước về lĩnh vực giới thiệu việc làm; phối hợp với các Sở - ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân quận - huyện triển khai hướng dẫn thủ tục bổ sung chức năng giới thiệu việc làm đối với các Trung tâm Dạy nghề, Trường Dạy nghề và thủ tục cấp giấy phép hoạt động giới thiệu việc làm đối với các doanh nghiệp đã được quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc các Sở - ngành thành phố có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thu Hà

**TỔNG SỐ CÁC DOANH NGHIỆP VÀ TRUNG TÂM DẠY NGHỀ
ĐƯỢC QUY HOẠCH HOẠT ĐỘNG GIỚI THIỆU VIỆC LÀM TRÊN
ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, GIAI ĐOẠN 2006 - 2010**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2665/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2007
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

STT	QUẬN - HUYỆN	Tổng số doanh nghiệp được cấp phép hoạt động	Tổng số trung tâm dạy nghề, trường nghề bổ sung chức năng GTVL
1	Quận 1	14	
2	Quận 2	2	1
3	Quận 3	6	
4	Quận 4	2	
5	Quận 5	4	1
6	Quận 6	3	
7	Quận 7	5	1
8	Quận 8	3	
9	Quận 9	2	1
10	Quận 10	4	1
11	Quận 11	4	1
12	Quận 12	4	1
13	Quận Gò Vấp	5	1
14	Quận Phú Nhuận	5	
15	Quận Bình Thạnh	5	1
16	Quận Tân Bình	12	1
17	Quận Tân Phú	4	
18	Quận Thủ Đức	3	1
19	Quận Bình Tân	7	
20	Huyện Hóc Môn	2	
21	Huyện Bình Chánh	2	1
22	Huyện Củ Chi	1	
23	Huyện Nhà Bè	1	1
24	Huyện Cần Giờ	1	
	Tổng cộng	101	13

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2674/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**Về duyệt Nhiệm vụ quy hoạch đồ án điều chỉnh
quy hoạch chung quận 8, thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ ban hành về quy hoạch xây dựng đô thị;

Xét nội dung hồ sơ Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung quận 8, thành phố Hồ Chí Minh do Viện Quy hoạch xây dựng thành phố lập;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Công văn số 1018/TTr-SQHKT ngày 06 tháng 4 năm 2007 về phê duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung quận 8,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung quận 8 với các nội dung chính như sau: (đính kèm hồ sơ lập nhiệm vụ đồ án chung quận 8).

1. Vị trí giới hạn và phạm vi quy hoạch:

1.1. Vị trí: khu đất quy hoạch nằm về phía Nam của nội thành thành phố Hồ Chí Minh. Các mặt giáp giới, như sau:

- + Phía Đông : giáp quận 7 (rạch Ông làm ranh)
- + Phía Tây : giáp huyện Bình Chánh
- + Phía Nam : giáp huyện Bình Chánh
- + Phía Bắc : giáp quận 5, quận 6 (kênh Tàu Hũ làm ranh).

1.2. Quy mô diện tích đất và dân số nghiên cứu:

+ Quy mô đất quy hoạch điều chỉnh mới: 1917,75ha (trong đó có 1 phần diện tích đất 268ha thuộc ranh Khu đô thị Nam thành phố), so với diện tích đất quy hoạch được phê duyệt theo Quyết định số 6859/QĐ-UB-QLĐT ngày 21 tháng 12 năm 1998 của Ủy ban nhân dân thành phố là 1899,89ha, chênh lệch 17,86ha.

Lý do sự khác biệt trên:

Theo Quyết định số 5767/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt kế hoạch sử dụng đất đai năm 2005 của quận 8: tổng diện tích đất tự nhiên được xác định là 1917,7533ha.

+ Dân số hiện trạng:	- Năm 2005	: 366.251 người
+ Dân số dự kiến:	- Năm 2010	: 425.000 người
	- Năm 2015	: 500.000 người
	- Năm 2020 đến 2025	: 480.000 người.

1.3. Lý do điều chỉnh:

- Xuất phát từ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh là tạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh nhóm ngành dịch vụ; quận 8 đã định hướng lại chiến lược phát triển kinh tế - xã hội có sự thay đổi cơ cấu từ công nghiệp, thương mại và dịch vụ trước đây sang định hướng cơ cấu: dân dụng, thương mại; dịch vụ - công nghiệp.

- Đồ án quy hoạch chung quận 8 đến năm 2020 đã được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt vào tháng 12 năm 1998, quá trình thực hiện quy hoạch cho đến nay có nhiều thay đổi và quận 8 tiếp giáp với Khu đô thị Nam thành phố đã và đang trong quá trình phát triển mạnh. Do vậy việc điều chỉnh quy hoạch là cần thiết nhằm khắc phục một số dự án không khả thi cũng như một số khu chức năng không còn phù hợp, đồng thời tạo không gian kiến trúc hài hòa với khu vực lân cận.

2. Tính chất, chức năng quy hoạch:

- Theo quy hoạch chung quận 8 được duyệt trước đây (năm 1998) là: công nghiệp - thương mại và dịch vụ. Điều chỉnh quy hoạch năm được xác định là: dân dụng, thương mại, dịch vụ - công nghiệp.

- Khu ở đô thị: Khu dân cư hiện hữu và xây dựng mới hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

- Trung tâm thương mại - dịch vụ cấp khu vực. Trung tâm Thương mại Bình Điền.

- Khu Công nghiệp Bình Đăng.

3. Phương án bố cục, phân khu chức năng:

3.1. Khu vực do Ban Quản lý khu Nam quản lý: Thuộc một phần phường 7, diện tích 268ha chức năng là khu kho cảng, chợ bến bãi và dân cư (gồm các khu D & E của Công ty Liên doanh Phú Mỹ Hưng và khu Bến Lức theo như Quyết định số 6555/QĐ-UBND ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị Khu đô thị mới Nam thành phố).

3.2. Khu vực do quận 8 quản lý:

a) Các khu ở:

- Các khu ở hiện hữu: chỉ tiêu đất ở bình quân 10 - 12m²/người, tập trung ở các phường 1, 2, 3, 4, 5, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 với định hướng phát triển theo hướng cải tạo chỉnh trang, nâng cấp thông qua việc xác định thêm các tuyến đường nội bộ, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, đồng thời sắp xếp lại để tạo thêm quỹ đất xây dựng công trình công cộng, cải thiện môi trường sống cho khu vực.

- Khu ở mới bố trí ở các phường 6, 7, 15, 16 với chỉ tiêu đất ở bình quân 19 - 20m²/người. Chủ yếu phát triển chung cư cao tầng, giải quyết nhà ở cho người thu nhập thấp và phục vụ tái định cư.

- Hình thái kiến trúc: Chung cư cao tầng bố trí trong khu dân cư phát triển. Khu dân cư hiện hữu với kiến trúc thấp tầng chủ yếu cải tạo, chỉnh trang.

- Phát triển quỹ đất từ việc chuyển đổi mục đích sử dụng một số bến bãi, kho tàng và các cơ sở công nghiệp ô nhiễm cần di dời thành dân cư và công trình công cộng cần thiết.

- Thực hiện việc di dời các hộ dân dọc các kênh rạch (dọc bờ Bắc kênh Đồi, kênh Tàu Hũ, kênh Ngang và các kênh rạch khác) kết hợp với chỉnh trang khu vực ven kênh rạch.

b) Các công trình công cộng:

- Đảm bảo đủ các loại hình phục vụ thiết yếu, cấp phục vụ, quy mô phục vụ và bố trí theo giải pháp phân tán trong các khu ở, đảm bảo bán kính phục vụ và vị trí phù hợp với chức năng; đồng thời kết hợp với các mảng hoa viên, sân chơi thể dục thể thao tạo nên những khoảng không gian mở cho từng khu vực.

- Công trình công cộng trong các phường gồm các công trình công cộng mang

tính thường xuyên như công trình hành chính cấp phường, thương mại dịch vụ, chợ, trạm y tế, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở. Đối với công trình công cộng cấp quận: Trung tâm hành chính quận tại phường 5.

- Đất công trình công cộng cấp Trung ương, Thành phố:

+ Trung tâm thương mại Bình Điền.

+ Viện Điều dưỡng của Sở Y tế thành phố, 03 trường dạy nghề, 03 trường phổ thông trung học thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố quản lý.

c) Công viên - cây xanh - thể dục thể thao: Chỉ tiêu bình quân 5 - 5,5m²/người.

- Khu cây xanh - thể dục thể thao: Bố trí tập trung thành từng cụm lớn (trong đó có công viên rạch Hiệp Ân và tại các phường 4, 15, 16...).

- Trong các dự án dân cư bố trí các khu cây xanh hoa viên - thể dục thể thao.

- Kết hợp chặt chẽ giữa các sân tập thể thao, cây xanh công viên.

Ngoài ra tổ chức hệ thống cây xanh cách ly hành lang kỹ thuật và cây xanh cảnh quan dọc kênh - rạch ...

d) Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

- Khu công nghiệp và dân cư Bình Đăng dự kiến chuyển đổi chức năng thành khu dân cư và công nghiệp sạch.

- Các cơ sở công nghiệp ô nhiễm sẽ di dời vào khu công nghiệp của thành phố, những cơ sở công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp không ô nhiễm hoặc ít ô nhiễm được lưu sử dụng xen cài trong khu dân cư.

- Khu kho cảng Phú Định tại phường 16.

e) Công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật:

Trạm điện và hành lang cách ly điện cao thế đi qua khu vực phường 7.

4. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật:

4.1. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc đến năm 2025:

+ Dân số quy hoạch đến năm 2025 : 480.000 người

+ Đất dân dụng : 28 - 30m²/người, trong đó:

- Đất khu ở : 14 - 15m²/người

- Đất công trình công cộng : 3 - 4m²/người

- Đất công viên - cây xanh : 5 - 6m²/người

- Đất giao thông : 6 - 7m²/người
- + Tầng cao xây dựng : tối thiểu: 2 tầng
tối đa: không khống chế (tùy khu vực)
- + Mật độ xây dựng bình quân:
 - . Khu dân cư : 50 - 60% (khu dân cư hiện hữu)
40% (khu dân cư phát triển)
 - . Khu công viên : 10 - 15%
 - . Khu công trình công cộng : 30 - 35%

4.2. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

** Giao thông:*

Diện tích đất giao thông dự kiến chiếm : 18 - 20% tổng diện tích.

** Chuẩn bị kỹ thuật:*

. Cao độ xây dựng : $\geq 2\text{m}$ (cao độ chuẩn Hòn Dấu)

. Độ dốc nền đắp:

Khu công trình công cộng và nhà ở : $\geq 0,4\%$

Khu công viên cây xanh : $\geq 0,3\%$

** Cấp điện:*

Điện sinh hoạt dân dụng : 2.500KWh/người/năm

** Cấp nước:*

Sinh hoạt : 200 l/người/ngày đêm

** Thoát nước bản:*

Sinh hoạt : 200 l/người/ngày đêm

** Vệ sinh đô thị:*

Rác sinh hoạt : 1,2kg/người/ngày

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Hệ thống giao thông:

- Thực hiện đúng lộ giới các tuyến đường đã được duyệt quy hoạch.
- Đợt đầu: Xây dựng các nút giao thông cùng mức, nhằm hạn chế giải tỏa, bồi thường.

- Dài hạn: Xây dựng, mở lộ giới các tuyến đường theo định hướng chung của quận, thành phố. Xây dựng các nút giao thông tại các cầu mới đáp ứng nhu cầu giao thông. Xây dựng hoàn chỉnh lộ giới các hẻm trong quận.

- Xây dựng cảng sông Phú Định.

5.2. Hệ thống cấp nước:

- Nguồn nước cấp: Hệ thống Nhà máy nước Thủ Đức nối với nguồn nước của Nhà máy nước sông Sài Gòn giai đoạn 1 (tuyến D600 trên đường Tạ Quang Bửu lấy nước từ tuyến ống D1000 đường Bình Tiên) - Nhà máy nước BOO Thủ Đức tuyến D500 trên đường Phạm Thế Hiển.

- Mạng cấp nước: Xây dựng các tuyến cấp nước nhánh cấp 3 cho khu dân cư.

5.3. Hệ thống thoát nước và vệ sinh môi trường:

Xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước bẩn riêng biệt.

Phần lớn khu vực quận 8 (phường 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14): nằm trong lưu vực kênh Tàu Hũ, Bến Nghé, kênh Đồi và kênh Tẻ, do đó sử dụng hệ thống cống chung để thu gom nước thải cho khu vực này. Các phường 7, 15, 16: xây dựng hệ thống cống thoát riêng và trạm xử lý cục bộ cho từng khu vực. Duy trì hệ thống thu gom chất thải rắn hiện có và tăng cường xe vận chuyển rác thải từ điểm tiếp nhận rác đến khu xử lý rác Đa Phước, huyện Bình Chánh.

5.4. Chuẩn bị kỹ thuật:

+ Chọn cao độ xây dựng $\geq 2,0\text{m}$ (hệ cao độ quốc gia Hòn Dấu).

+ Tôn nền khu vực xây mới có nền đất thấp (khu vực phía Nam và Tây).

+ Sử dụng hệ thống cống ngầm thoát nước mặt ra kênh rạch gần nhất.

+ Kết hợp với dự án cải thiện môi trường nước giải quyết ngập khu vực phường 15 và các vùng đất phía Nam, phía Tây.

5.5. Hệ thống cấp điện:

Nguồn điện: được cấp điện từ lưới điện quốc gia thông qua trạm 110/22KV Chánh Hưng và Phú Định, tương lai sẽ xây dựng thêm 2 trạm 110/22KV Phú Lợi và Hưng Phú để đáp ứng nhu cầu phụ tải của quận.

6. Một số vấn đề cần nghiên cứu khi lập đồ án điều chỉnh quy hoạch chung:

- Quận 8 tiếp giáp với Khu đô thị Nam thành phố đang trong quá trình phát triển nhanh và mạnh, cần nghiên cứu tổ chức không gian kiến trúc hài hòa và phân khu chức năng hợp lý.

- Trong định hướng phát triển đô thị cho giai đoạn ngắn hạn cần nghiên cứu, đánh giá kỹ hiện trạng để có giải pháp khoét lõm hiện sử dụng các nhà xưởng di dời để xây dựng các khu nhà ở chung cư cao tầng nhằm giảm mật độ xây dựng, tăng đất công viên cây xanh, công trình công cộng nhằm từng bước cải thiện các chỉ tiêu về công viên cây xanh, công trình công cộng trong tương lai.

- Về quy hoạch cây xanh: ngoài diện tích quy hoạch cây xanh đã có trên địa bàn quận, cần nghiên cứu dành đất để xây dựng công viên cây xanh khi chuyển hóa đất nông nghiệp, di dời nhà xưởng ô nhiễm, hạn chế quy hoạch cây xanh tại các khu dân cư hiện hữu ổn định lâu đời.

- Phối hợp Sở Giao thông - Công chính để cập nhật các dự án giao thông có ảnh hưởng đến khu vực điều chỉnh quy hoạch để có phương án tổ chức không gian kiến trúc phù hợp. Đồng thời chú trọng tổ chức giao thông tĩnh.

- Cần nghiên cứu thiết kế đô thị đối với các tuyến đường chính như Vành đai trong, đại lộ Đông - Tây, Quốc lộ 50, Chánh Hưng, Tạ Quang Bửu, Hồ Học Lãm, Bình Tiên.

Điều 2. Trên cơ sở nội dung Nhiệm vụ quy hoạch được duyệt, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận 8 và Viện Quy hoạch xây dựng thành phố triển khai thực hiện nghiên cứu đề án điều chỉnh quy hoạch chung quận 8 và trình duyệt theo quy định.

Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân quận 8 xác lập ranh đất quy hoạch, thực hiện tốt việc quản lý đất trong phạm vi quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Giao thông - Công chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 8 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tín

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 86/2007/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2004/TTLB/BKHĐT-BNV ngày 01 tháng 6 năm 2004 của Liên bộ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý Nhà nước về kế hoạch và đầu tư ở địa phương;

Căn cứ Quyết định số 4310/QĐ-UB-NCVX ngày 20 tháng 12 năm 1994 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Sở, cơ quan ngang Sở thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ Quyết định số 2559/QĐ-UB-NC ngày 27 tháng 5 năm 1996 của Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1479/TTr-SKHĐT ngày 27 tháng 3 năm 2007 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 391/TTr-SNV ngày 23 tháng 5 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ Quyết định số 17/2003/QĐ-UB ngày 19 tháng 12 năm 2003 của Ủy ban nhân dân

thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của

Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 86/2007/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG

Điều 1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về kế hoạch và đầu tư bao gồm các lĩnh vực: Tham mưu tổng hợp về quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức thực hiện và kiến nghị, đề xuất về cơ chế, chính sách quản lý kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố; đầu tư trong nước, ngoài nước ở thành phố; đầu mối theo dõi nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ODA, đấu thầu, đăng ký kinh doanh trong phạm vi thành phố; về các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật.

Sở Kế hoạch và Đầu tư có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách và mở tài khoản tại Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước để hoạt động theo quy định của Nhà nước.

Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh có tên giao dịch bằng tiếng Anh là: **DEPARTMENT OF PLANNING AND INVESTMENT OF HO CHI MINH CITY.**

Viết tắt là: **HCMC D.P.I**

Trụ sở làm việc của Sở Kế hoạch và Đầu tư đặt tại số 32, đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu sự chỉ đạo, quản lý trực tiếp và toàn diện về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố, đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Sở Kế hoạch và Đầu tư có nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định, chỉ thị về quản lý lĩnh vực kế hoạch và đầu tư cho Ủy ban nhân dân quận - huyện và các sở - ngành của thành phố theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc phân công, phân cấp quản lý về các lĩnh vực kế hoạch và đầu tư cho Ủy ban nhân dân quận - huyện và các sở - ngành của thành phố theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện các quy định phân cấp đó.

3. Tổ chức, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về kế hoạch và đầu tư ở địa phương; trong đó có kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước trên địa bàn thành phố và những vấn đề có liên quan đến việc xây dựng và thực hiện kế hoạch, sử dụng các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

4. Về quy hoạch và kế hoạch:

a) Chủ trì, phối hợp Viện Kinh tế thành phố và Cục Thống kê thành phố về các thông tin dự báo phát triển kinh tế - xã hội của thành phố để nghiên cứu, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội thành phố và chịu trách nhiệm tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch kinh tế - xã hội dài hạn, 5 năm và hàng năm; bố trí kế hoạch vốn đầu tư thuộc ngân sách thành phố; các cân đối chủ yếu về kinh tế - xã hội của thành phố, trong đó có cân đối tích lũy và tiêu dùng, cân đối vốn đầu tư phát triển. Phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân thành phố kế hoạch cân đối tài chính của thành phố.

Công bố và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố sau khi được phê duyệt theo quy định.

b) Trình Ủy ban nhân dân thành phố chương trình hoạt động thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố và chịu trách nhiệm theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch tháng, quý, năm để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố điều hòa, phối hợp việc thực hiện các cân đối chủ yếu về kinh tế - xã hội của thành phố.

c) Chịu trách nhiệm quản lý và điều hành một số lĩnh vực về thực hiện kế hoạch được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

d) Hướng dẫn các sở - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện xây dựng kế hoạch phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của thành phố đã được phê duyệt.

đ) Thẩm định các quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành của các sở - ngành; quy hoạch, kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các quận - huyện đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

e) Phối hợp với Sở Tài chính lập dự toán ngân sách thành phố và phân bổ ngân sách cho các đơn vị để trình Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Về đầu tư trong nước và ngoài nước:

a) Trình và chịu trách nhiệm về nội dung các văn bản đã trình trước Ủy ban nhân dân thành phố về danh mục các dự án đầu tư trong nước, các dự án thu hút vốn đầu tư nước ngoài cho từng kỳ kế hoạch và điều chỉnh trong trường hợp cần thiết.

b) Trình và chịu trách nhiệm về nội dung các văn bản đã trình trước Ủy ban nhân dân thành phố về tổng mức vốn đầu tư của toàn thành phố; về bố trí cơ cấu vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực, bố trí danh mục dự án đầu tư và mức vốn cho từng dự án thuộc ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý; tổng mức hỗ trợ tín dụng Nhà nước hàng năm, vốn góp cổ phần và liên doanh của Nhà nước; tổng hợp phương án phân bổ vốn đầu tư và vốn sự nghiệp của các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình dự án khác do thành phố quản lý trên địa bàn.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các sở - ngành có liên quan giám sát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả đầu tư của các dự án xây dựng cơ bản, các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình dự án khác do thành phố quản lý.

d) Thẩm định các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; cấp giấy phép ưu đãi đầu tư cho các dự án đầu tư vào địa bàn thành phố theo phân cấp.

đ) Làm đầu mối giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý hoạt động đầu tư trong nước, đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào địa bàn thành phố theo quy định của pháp luật; tổ chức hoạt động xúc tiến đầu tư, hướng dẫn thủ tục đầu tư và cấp phép đầu tư thuộc thẩm quyền; về quan hệ hợp tác của thành phố với các địa phương bạn.

6. Về vốn ODA và các nguồn viện trợ phi Chính phủ:

a) Là cơ quan đầu mối vận động, thu hút, điều phối quản lý vốn viện trợ phát triển (gọi tắt là ODA) và các nguồn viện trợ phi Chính phủ của thành phố; hướng dẫn

các sở - ngành xây dựng danh mục và nội dung các chương trình sử dụng vốn ODA và các nguồn viện trợ phi Chính phủ; tổng hợp danh mục các chương trình dự án sử dụng ODA và các nguồn viện trợ phi Chính phủ trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Chủ trì, theo dõi và đánh giá thực hiện các chương trình dự án ODA và các nguồn viện trợ phi Chính phủ; làm đầu mối xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xử lý những vấn đề vướng mắc giữa Sở Tài chính với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong việc bố trí vốn đối ứng, giải ngân thực hiện các dự án ODA và các nguồn viện trợ phi Chính phủ có liên quan đến nhiều sở - ngành, cấp quận - huyện và cấp phường - xã; định kỳ tổng hợp báo cáo về tình hình và hiệu quả thu hút sử dụng ODA và các nguồn viện trợ phi Chính phủ.

7. Về quản lý đấu thầu:

a) Chủ trì, thẩm định và chịu trách nhiệm về nội dung các văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về kế hoạch đấu thầu, kết quả xét thầu các dự án hoặc gói thầu thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Hướng dẫn, theo dõi, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về đấu thầu và tổng hợp tình hình thực hiện các dự án đã được phê duyệt và tình hình thực hiện đấu thầu.

8. Về quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất:

Phối hợp với Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp thành phố và các sở - ngành có liên quan thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố quy hoạch tổng thể các khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn, quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp và các cơ chế quản lý đối với các cụm công nghiệp phù hợp với tình hình phát triển thực tế của thành phố để Ủy ban nhân dân thành phố trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

9. Về doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh và kinh tế hợp tác:

a) Phối hợp với Ban Đổi mới Quản lý doanh nghiệp thành phố và các sở - ngành liên quan trình Ủy ban nhân dân thành phố chương trình, kế hoạch sắp xếp, đổi mới phát triển doanh nghiệp Nhà nước do thành phố quản lý; chủ trì nghiên cứu, đề xuất cơ chế quản lý và chính sách hỗ trợ đối với việc sắp xếp doanh nghiệp Nhà nước và phát triển các doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc các thành phần kinh tế trên địa bàn thành phố.

b) Phối hợp với Ban Đổi mới Quản lý doanh nghiệp thành phố và các sở - ngành liên quan thẩm định các đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại doanh nghiệp Nhà nước

do thành phố quản lý. Chủ trì tổng hợp tình hình phát triển các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế.

c) Tổ chức thực hiện đăng ký kinh doanh cho các đối tượng trên địa bàn thuộc thẩm quyền của Sở; hướng dẫn nghiệp vụ đăng ký kinh doanh cho cơ quan chuyên môn quản lý về kế hoạch và đầu tư quận - huyện; phối hợp với các ngành kiểm tra, theo dõi, tổng hợp tình hình và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm sau đăng ký kinh doanh của các doanh nghiệp tại thành phố; thu thập, lưu trữ và quản lý thông tin về đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật.

d) Chủ trì, phối hợp với Liên minh Hợp tác xã thành phố và các sở - ngành đề xuất các mô hình và cơ chế, chính sách phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế hộ gia đình; hướng dẫn, theo dõi, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tình hình phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế hộ gia đình trên địa bàn thành phố.

10. Chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân quận - huyện thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước về kế hoạch và đầu tư trên địa bàn; theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

11. Tổ chức và chỉ đạo thực hiện công tác nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ; thực hiện hợp tác quốc tế trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư theo quy định của pháp luật; tổ chức quản lý và chỉ đạo hoạt động đối với các tổ chức sự nghiệp dịch vụ công thuộc Sở.

12. Thanh tra, kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Sở; giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

13. Tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định với Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

14. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước thuộc quyền quản lý của Sở và phát triển nguồn nhân lực ngành kế hoạch và đầu tư thành phố.

15. Quản lý tài chính, tài sản được giao và thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

16. Thực hiện những nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ

Điều 4. Sở Kế hoạch và Đầu tư do một Giám đốc phụ trách và có các Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc. Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Quy chế này.

Phó Giám đốc là người giúp việc cho Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở, trước pháp luật về lĩnh vực công tác được Giám đốc phân công.

Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm. Phó Giám đốc Sở do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Giám đốc Sở.

Các chức danh khác của Sở thực hiện theo quy định về phân công quản lý cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư có Văn phòng Sở, Thanh tra Sở và các Phòng chuyên môn nghiệp vụ.

Số lượng và nhiệm vụ của các Phòng chuyên môn do Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư quy định, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Sở.

Tùy theo yêu cầu công việc, Giám đốc Sở quyết định thành lập mới, giải thể các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ sau khi trao đổi thống nhất với Giám đốc Sở Nội vụ.

Biên chế của Sở Kế hoạch và Đầu tư được Ủy ban nhân dân thành phố giao hàng năm trong tổng chỉ tiêu biên chế quản lý Nhà nước của thành phố.

Biên chế các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ do Giám đốc Sở quyết định trong phạm vi chỉ tiêu biên chế được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có một số Hội đồng do Giám đốc Sở quyết định thành lập để phục vụ yêu cầu công tác Sở. Các Hội đồng hoạt động theo chức năng do Giám đốc Sở quy định. Thành viên của các Hội đồng làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Chương IV

CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Đối với Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ sự chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ, chuyên môn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đảm bảo sự thống nhất của ngành, lĩnh vực trong cả nước và sự phân cấp quản lý của Trung ương. Sở có trách nhiệm báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình hoạt động của Sở với Bộ; tham dự đầy đủ các hội nghị do Bộ triệu tập. Các chủ trương lớn của Bộ, Giám đốc Sở phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố để triển khai thực hiện. Các chủ trương lớn của Ủy ban nhân dân thành phố có liên quan đến nghiệp vụ quản lý ngành, Giám đốc Sở phải báo cáo Bộ để Bộ có hướng dẫn chỉ đạo về chuyên môn nghiệp vụ.

Trường hợp Bộ chưa nhất trí với chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc những chủ trương, quyết định của Bộ, Sở xét thấy không phù hợp với tình hình thực tiễn của thành phố, Giám đốc Sở kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kèm theo kiến nghị cụ thể để Ủy ban nhân dân thành phố làm việc với Bộ trưởng hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 7. Đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân thành phố, có trách nhiệm báo cáo, trình bày hoặc cung cấp tài liệu cần thiết cho Hội đồng nhân dân thành phố, trả lời các chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố về những vấn đề có liên quan đến kế hoạch hóa và đầu tư phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của thành phố.

2. Giám đốc Sở có trách nhiệm báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình, kế hoạch hoạt động của Sở cho Ủy ban nhân dân thành phố theo chế độ quy định; tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ủy ban nhân dân thành phố triệu tập; tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố về các vấn đề có liên quan do Sở phụ trách.

Các văn bản của Sở hướng dẫn thi hành quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố phải được ban hành chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành (nếu trong quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố có yêu cầu hướng dẫn). Trường hợp cần có hướng dẫn của liên ngành thì Sở phải phối hợp với các sở - ngành có liên quan ra văn bản hướng dẫn, thời gian chậm nhất không quá 15 ngày, kể từ ngày ban hành văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố. Các văn bản hướng dẫn phải gửi đăng Công báo thành phố trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày ban hành.

3. Giám đốc Sở chịu trách nhiệm giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền được giao, không chuyển các vấn đề thuộc thẩm quyền lên Ủy ban nhân dân thành

phố. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền, phải xin ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 8. Đối với các sở - ngành thành phố

1. Phối hợp với Viện Kinh tế và các sở - ngành chức năng tổ chức nghiên cứu, xây dựng các phương án tổng hợp về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của thành phố.

2. Phối hợp với các Sở quản lý ngành kinh tế - kỹ thuật trong việc hướng dẫn, tổng hợp xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển dài hạn, trung hạn và hàng năm; xem xét, thống nhất chọn lựa các chương trình, dự án đầu tư phát triển của ngành nhằm phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong từng thời kỳ; theo dõi kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch và đầu tư phát triển theo chương trình và dự án của ngành quản lý trên địa bàn thành phố.

3. Phối hợp với các sở - ngành của thành phố trong việc cung cấp, trao đổi, đánh giá các số liệu thống kê, báo cáo để thực hiện các công tác chuyên môn, nghiệp vụ của Sở.

4. Phối hợp với các sở - ngành nghiên cứu, đề xuất với Ủy ban nhân dân thành phố các vấn đề về vận dụng hoặc kiến nghị sửa đổi các cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình, đặc điểm của thành phố.

Điều 9. Đối với Ủy ban nhân dân quận - huyện

1. Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các quận - huyện xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quận - huyện phù hợp với quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn các quận - huyện về chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực kế hoạch hóa và đầu tư.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 10. Căn cứ nội dung Quy chế này, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm ban hành quy chế làm việc cụ thể của Sở, quy định chức năng nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và bố trí nhân sự, phân công nhiệm vụ cho từng cán bộ, công chức để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Điều 11. Trong quá trình thực hiện, nếu có những điểm không còn phù hợp với quy định của Nhà nước, Giám đốc Sở có trách nhiệm kịp thời báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh bổ sung, sửa đổi Quy chế này cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

SỞ TƯ PHÁP

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1603/STP-BTTP
V/v cam kết quan hệ về nhân thân
trong khai nhận di sản, thỏa thuận
phân chia di sản

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 6 năm 2007

Kính gửi: Các Phòng Công chứng

Nhằm giải quyết khó khăn khi thực hiện công chứng đối với các trường hợp khai nhận di sản, thỏa thuận phân chia di sản không có các giấy tờ chứng minh về quan hệ giữa người để lại di sản và người được hưởng di sản, Sở Tư pháp đã có khai Công văn số 3458/STP-BTTP ngày 22 tháng 9 năm 2005 và số 989/STP-BTTP ngày 10 tháng 4 năm 2007 đề nghị Bộ Tư pháp có hướng dẫn cụ thể đối với các trường hợp này. Tuy nhiên, đến nay vẫn chưa nhận được ý kiến chỉ đạo của Bộ.

Để tránh gây ách tắc trong việc công chứng, bảo đảm quyền hưởng di sản của người dân, đồng thời bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

Về nguyên tắc, người khai nhận di sản, thỏa thuận phân chia di sản phải xuất trình các giấy tờ chứng minh về quan hệ giữa người để lại di sản và người được hưởng di sản theo quy định của Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực và Thông tư số 03/2001/TP-CC ngày 14 tháng 3 năm 2001 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện Nghị định số 75/2000/NĐ-CP.

Đối với các trường hợp đương sự không thể có các giấy tờ chứng minh về quan hệ giữa người để lại di sản và người được hưởng di sản và có cơ sở để xác định lời khai của đương sự là ngay tình, trung thực thì Công chứng viên có thể cho đương sự tự khai và cam kết tự chịu trách nhiệm./.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Minh Hồng

QUẬN 12

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2007/QĐ-UBND

Quận 12, ngày 04 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Trung tâm Dạy nghề quận 12

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 25/QĐ-UB ngày 26 tháng 5 năm 1997 của Ủy ban nhân dân quận 12 về việc thành lập Trung tâm Dạy nghề quận;

Căn cứ Quyết định số 776/2001/QĐ-BLĐTBXH ngày 09 tháng 8 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dạy nghề;

Căn cứ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc cho phép bổ sung chức năng giới thiệu việc làm đối với Trung tâm Dạy nghề trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 12;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Dạy nghề,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dạy nghề quận 12 kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày ký và bãi bỏ Quyết định số 83/2005/QĐ-UBND ngày 25 tháng 8 năm 2005 của UBND quận 12 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dạy nghề.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân, Trưởng Phòng Nội vụ, Giám đốc Trung tâm Dạy nghề và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dạy nghề quận 12

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2007/QĐ-UBND
ngày 04 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận 12)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Trung tâm Dạy nghề quận 12 là cơ sở đào tạo nghề ngắn hạn thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, do Ủy ban nhân dân quận 12 lập ra hoạt động theo quy định của pháp luật, nhằm đào tạo nghề, bổ túc nghề, bồi dưỡng nghề cho người lao động và dịch vụ giới thiệu việc làm cho học viên sau đào tạo, thanh niên và người lao động trên địa bàn quận có nhu cầu giải quyết việc làm.

Trung tâm Dạy nghề là đơn vị sự nghiệp có thu, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Điều 2. Trung tâm Dạy nghề là đơn vị trực thuộc và chịu sự quản lý trực tiếp của UBND quận 12, đồng thời chịu sự quản lý Nhà nước về dạy nghề của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ của Trung tâm Dạy nghề

1. Xây dựng kế hoạch dạy nghề ngắn hạn, bổ túc và bồi dưỡng nghề theo yêu cầu của thị trường lao động quận 12 và sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của quận 12.

2. Xây dựng kế hoạch nội dung chương trình giảng dạy phù hợp với nguyên tắc xây dựng chương trình đào tạo do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.

3. Tổ chức dạy nghề ngắn hạn, bổ túc tay nghề và bồi dưỡng nghề theo hợp đồng học nghề.

4. Tổ chức tập huấn nghề, phổ biến kiến thức khoa học kỹ thuật, công nghệ mới, kinh nghiệm sản xuất tiên tiến cho mọi đối tượng có nhu cầu.

5. Nhận người học thuộc diện đối tượng hưởng chính sách xã hội vào học nghề theo quy định của Chính phủ.

6. Tổ chức kiểm tra cuối khóa cho người học theo quy chế của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

7. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và cơ sở vật chất, tài sản thuộc Trung tâm theo quy định của pháp luật;

Khai thác sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm duy trì và phát triển công tác dạy nghề.

8. Tổ chức và hỗ trợ để giáo viên được tham gia bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm.

9. Tổ chức dịch vụ giới thiệu việc làm cho học viên sau đào tạo, thanh niên và người lao động có nhu cầu giải quyết việc làm;

Thực hiện theo quy định của quy chế tổ chức và hoạt động của chi nhánh dịch vụ việc làm thành phố là tư vấn, cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trong và ngoài quận. Tổ chức tư vấn cho người lao động về việc làm, các chế độ chính sách có liên quan theo quy định của pháp luật, giới thiệu việc làm cho người lao động, cung ứng và tuyển dụng lao động theo yêu cầu của người sử dụng lao động;

Thu thập và cung cấp thông tin về thị trường lao động cho người lao động và người sử dụng lao động như: nhu cầu tuyển dụng, nhu cầu cần việc làm, các tiêu chuẩn về lao động, tiền lương tiền công trên địa bàn thành phố và các tỉnh lân cận.

10. Báo cáo tình hình hoạt động theo định kỳ hàng tháng, hàng quý, sáu tháng, năm đối với UBND quận 12 và cơ quan quản lý dạy nghề cấp trên.

Điều 4. Quyền hạn của Trung tâm Dạy nghề

1. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, bổ túc và tập huấn nghề tại Trung tâm Dạy nghề theo chương trình bộ môn được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố quy định phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất hiện có.

2. Liên kết với các cơ sở sản xuất, Trung tâm Dạy nghề khác, trường dạy nghề, trường Trung học chuyên nghiệp, trường Cao đẳng, Đại học trong và ngoài nước để tổ chức đào tạo, bổ túc, bồi dưỡng nghề theo yêu cầu và theo quy định pháp luật.

3. Phối hợp với trường phổ thông làm công tác giáo dục hướng nghiệp cho học sinh (nếu có yêu cầu); Phối hợp với Ban Chỉ huy Quân sự quận để tư vấn, hướng nghiệp, đào tạo nghề cho Bộ đội xuất ngũ; Phối hợp với các trung tâm học tập cộng đồng để hỗ trợ đào tạo nghề trong khả năng của Trung tâm Dạy nghề khi có yêu cầu.

4. Phối hợp với các tổ chức kinh tế, giáo dục, y tế, văn hóa, nghiên cứu khoa học và các tổ chức, cá nhân khác trong việc nghiên cứu ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ để gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm.

5. Thu học phí theo quy định hiện hành hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng học nghề không trái với quy định của pháp luật.

6. Cấp chứng chỉ nghề, giấy chứng nhận bồi dưỡng nghề cho học viên đạt yêu cầu trong kỳ thi kiểm tra cuối khóa.

7. Tổ chức ôn tập và kiểm tra cấp chứng chỉ nghề cho người lao động có tay nghề mà chưa được công nhận, cập nhật theo hướng dẫn của Trung tâm và theo chương trình dạy nghề đã được duyệt.

8. Tổ chức sản xuất các sản phẩm, cung cấp các dịch vụ phù hợp với công tác dạy nghề nhằm khai thác các nguồn lực của Trung tâm và có điều kiện để nâng cao chất lượng dạy nghề.

9. Được tổ chức dịch vụ giới thiệu việc làm, tư vấn học nghề, giới thiệu việc làm cho người học sau khóa học, thanh niên và người lao động có nhu cầu giải quyết việc làm.

10. Được ký kết hợp đồng giảng dạy với tất cả các đơn vị, cá nhân có nhu cầu học tập nghề nghiệp, bổ túc nghề nghiệp và ký kết hợp đồng giảng dạy với người có đủ tiêu chuẩn làm giáo viên giảng dạy tại Trung tâm Dạy nghề với các điều kiện thỏa thuận theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 5. Trung tâm Dạy nghề thực hiện quản lý tài chính và tài sản theo quy định hiện hành, áp dụng như đối với các đơn vị sự nghiệp có thu thuộc UBND quận 12;

Thực hiện theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập;

Trung tâm tổ chức thu phí giới thiệu việc làm; thu phí cung ứng lao động cho người sử dụng lao động; thu phí liên kết đào tạo gắn với giải quyết việc làm (miễn giảm cho Bộ đội xuất ngũ, diện chính sách, diện xóa đói giảm nghèo); thu phí tư vấn và các dịch vụ khác theo quy định.

Điều 6. Trung tâm Dạy nghề chịu sự kiểm tra và hướng dẫn về nghiệp vụ chuyên môn của Phòng Tài chính - Kế hoạch quận trong công tác quản lý tài chính và công sản.

Chương IV

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ QUẢN LÝ

Điều 7. Bộ máy quản lý của Trung tâm Dạy nghề gồm

1. Giám đốc Trung tâm Dạy nghề.
2. Giúp việc cho Giám đốc có Phó Giám đốc và các bộ phận chuyên trách như: bộ phận đào tạo, hành chính - giới thiệu việc làm, cơ sở vật chất - môi trường.
3. Các bộ phận chuyên trách được tổ chức thành Phòng chuyên môn bao gồm: Phòng Đào tạo, Hành chính - Dịch vụ việc làm, Phòng Cơ sở vật chất - Môi trường;

Các Phòng chuyên môn có Trưởng phòng do Giám đốc bổ nhiệm và chịu trách nhiệm trước Giám đốc. Tùy theo quy mô tổ chức, Phòng có thể có Phó Trưởng phòng do Trưởng phòng giới thiệu và Giám đốc Trung tâm quyết định. Trưởng phòng phải là người có năng lực, kinh nghiệm điều hành phù hợp công việc và được nhân viên tín nhiệm, có trình độ trung cấp trở lên.

Điều 8. Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm Giám đốc Trung tâm Dạy nghề do UBND quận 12 quyết định.

Giám đốc Trung tâm Dạy nghề phải có trình độ tốt nghiệp Đại học, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý và am hiểu về công tác dạy nghề, quy tụ được đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên Trung tâm Dạy nghề.

Điều 9. Giám đốc Trung tâm Dạy nghề có quyền hạn sau

1. Là chủ tài khoản của Trung tâm Dạy nghề.
2. Đề nghị với UBND quận về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc và kế toán trưởng, thủ quỹ.
3. Có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm các Trưởng, Phó Trưởng phòng các Phòng

chuyên môn của Trung tâm, quyết định việc thành lập và cử người phụ trách trưởng các bộ môn nghề (gọi là Chủ nhiệm các nghề).

4. Có quyền mở rộng nghề đào tạo, tuyển thêm nhân sự phục vụ cho việc phát triển của Trung tâm và chịu trách nhiệm trước UBND quận 12.

5. Đề xuất với cơ quan cấp trên có thẩm quyền về các chủ trương, biện pháp có liên quan đến hoạt động của Trung tâm Dạy nghề, sử dụng các nguồn vốn của Trung tâm để phục vụ toàn diện cho công tác đào tạo nghề và phát triển Trung tâm như: mua sắm thiết bị, nâng cấp thiết bị, chuyển đổi thiết bị cho phù hợp với xu thế phát triển của xã hội, cải thiện đời sống cán bộ, giáo viên, nhân viên theo quy định hiện hành.

6. Ký hợp đồng lao động đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên; hợp đồng đào tạo nghề, hợp đồng hợp tác liên kết với các đơn vị trong đào tạo nghề và các loại hợp đồng khác theo quy định.

7. Cấp chứng chỉ nghề, chứng nhận bồi dưỡng nghề cho học viên và cho người được kiểm tra công nhận. Hợp tác với Giám đốc các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh để kiểm tra xác nhận hoặc công nhận bậc thợ cho công nhân khi có yêu cầu.

8. Quyết định việc khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên trong phạm vi thẩm quyền được phân cấp quản lý.

Điều 10. Giám đốc Trung tâm Dạy nghề có những nhiệm vụ sau

1. Chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp, chính sách, chế độ quy định của Nhà nước; chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan cấp trên trực tiếp về mọi hoạt động của Trung tâm Dạy nghề.

2. Xây dựng và tổ chức thực hiện các kế hoạch nghề, bổ túc nghề và bồi dưỡng nghề.

3. Quản lý và chịu trách nhiệm về chất lượng đào tạo, bồi dưỡng và bổ túc nghề cũng như các hoạt động khác của Trung tâm.

4. Tổ chức hoạt động của dịch vụ việc làm một cách có hiệu quả.

5. Thường xuyên chăm lo cải thiện điều kiện làm việc, giảng dạy, học tập, đời sống vật chất tinh thần cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và người học.

6. Có kế hoạch phát triển Trung tâm toàn diện, là trung tâm đoàn kết, phát huy được hết tiềm năng cơ sở vật chất, con người để đáp ứng được nhu cầu học tập nghề nghiệp cho người lao động gắn với sự phát triển kinh tế của địa phương.

7. Báo cáo định kỳ tình hình hoạt động cho UBND quận và các cơ quan quản lý chuyên môn cấp trên.

Điều 11. Phó Giám đốc Trung tâm Dạy nghề là người có trình độ tốt nghiệp Đại học, có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý và am hiểu về nghiệp vụ sư phạm.

Phó Giám đốc cùng người phụ trách bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm trước Giám đốc về những công việc được giao.

Chương V

CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

Điều 12. Giáo viên Trung tâm Dạy nghề là những người có đủ trình độ chuẩn theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 02/2001/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2001 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Bộ luật Lao động và Luật Giáo dục về dạy nghề: được tuyển dụng theo tiêu chuẩn, chức danh quy định của Nhà nước; Giáo viên dạy hợp đồng do Giám đốc Trung tâm Dạy nghề ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Quyền hạn của giáo viên Trung tâm Dạy nghề

1. Được sử dụng cơ sở vật chất, kỹ thuật, trang thiết bị, tài liệu, đồ dùng dạy học và các phương tiện khác của Trung tâm để thực hiện nghiên cứu, giảng dạy trong phạm vi trách nhiệm được giao.

2. Được hưởng các quyền lợi theo chế độ hiện hành của Nhà nước đối với các giáo viên dạy nghề và hợp đồng đã ký với Giám đốc Trung tâm Dạy nghề.

3. Được tham gia bàn bạc, góp ý, đánh giá về chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp quản lý và các hoạt động khác của Trung tâm.

4. Được dự giờ, bồi dưỡng nâng cao tay nghề và phương pháp sư phạm.

5. Được tuyên dương khen thưởng khi có thành tích trong giảng dạy và công tác.

6. Được hợp đồng thỉnh giảng, nghiên cứu khoa học với các cơ quan hay đơn vị khác ngoài giờ giảng dạy tại Trung tâm.

7. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Nhiệm vụ của giáo viên Trung tâm Dạy nghề

1. Thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách, chế độ, các quy định của Nhà nước và quy chế, nội quy của Trung tâm. Đối với giáo viên, làm việc theo chế độ hợp đồng

thực hiện nghiêm chỉnh những nội dung thỏa thuận trong hợp đồng đã ký với Giám đốc Trung tâm Dạy nghề.

2. Thực hiện đúng các quy định về hồ sơ giáo vụ, về tiến độ, nội dung và chất lượng giảng dạy theo kế hoạch Trung tâm.

3. Thường xuyên nâng cao chất lượng, nghiệp vụ giảng dạy, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Trung tâm về kế hoạch và chất lượng giảng dạy.

4. Thực hiện nghiêm chỉnh những nguyên tắc sư phạm, các quy chuẩn về kỹ thuật nghiệp vụ, an toàn, vệ sinh lao động, tôn trọng nhân cách và đối xử công bằng với người học nghề.

5. Giữ gìn và bảo vệ những trang thiết bị, đồ dùng dạy học, tài liệu giảng dạy, gia công nghiên cứu tự làm đồ dùng dạy học để phục vụ bộ môn, giữ gìn và giáo dục học sinh giữ gìn tài sản và tham gia bảo vệ xây dựng môi trường văn minh, sạch đẹp và an toàn cho Trung tâm Dạy nghề.

Điều 15. Cán bộ, nhân viên làm công tác quản lý, phục vụ trong Trung tâm có nghĩa vụ thực hiện nghiêm chỉnh quy chế, nội quy của Trung tâm, nghiêm chỉnh thực hiện nhiệm vụ chức trách và công tác được giao một cách tốt nhất, góp phần vào việc phát triển Trung tâm, luôn luôn có thái độ đúng mực với đồng nghiệp, giáo viên, người học; thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở; được tôn trọng và được hưởng các quyền lợi theo quy định của Nhà nước hoặc theo hợp đồng đã ký với Giám đốc Trung tâm Dạy nghề.

Điều 16. Người học có nguyện vọng, có nhu cầu học nghề, bổ túc nghề, bồi dưỡng nghề và có đủ điều kiện học nghề theo quy định của pháp luật được đăng ký học nghề tại Trung tâm Dạy nghề.

Quyền lợi và nhiệm vụ của người học nghề căn cứ vào Điều 21 và Điều 22 Chương VI của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Dạy nghề (Ban hành kèm theo Quyết định số 776/2001/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội) và một số quy định cụ thể của Trung tâm Dạy nghề quận 12 được công bố và niêm yết công khai.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 17. Giám đốc Trung tâm Dạy nghề quận 12 có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

Trong quá trình thực hiện cần rút kinh nghiệm; trao đổi Phòng Nội vụ để đề xuất với Ủy ban nhân dân quận 12 sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế và tình hình phát triển hoạt động tại đơn vị./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2007/QĐ-UBND-VHTT

Quận 12, ngày 05 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Đoàn Kiểm tra liên ngành hoạt động văn hóa
và phòng chống tệ nạn xã hội quận 12

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 178/2004/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm;

Căn cứ Nghị định số 56/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động văn hóa thông tin;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao và Trưởng Phòng Nội vụ quận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành hoạt động văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội quận 12 (gọi tắt là Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng Công an quận, Trưởng Phòng Tư pháp, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Y tế, Trưởng Phòng Kinh tế, Đội Trưởng

Đội Quản lý thị trường, Thủ trưởng cơ quan có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường và Trưởng Ban Chỉ đạo Quản lý hoạt động văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội trên địa bàn quận 12 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Văn Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

**Tổ chức và hoạt động của Đoàn kiểm tra liên ngành
hoạt động văn hóa và phòng chống tệ nạn xã hội quận 12**
(gọi tắt là Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội)
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-UBND-VHTT
ngày 05 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận 12)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội quận 12

Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội quận 12 là lực lượng hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, gồm các Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội cấp quận và 11 Tổ Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội cấp phường được thành lập theo quy định tại Nghị định số 178/2004/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ; Nghị định số 56/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2006 của Chính phủ, Chỉ thị số 814/TTg ngày 12 tháng 12 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 149/QĐ-UB-NC ngày 16 tháng 01 năm 1996 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh; trên cơ sở phối hợp các ngành Văn hóa và Thông tin, Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an, Kinh tế, Quản lý thị trường, Y tế và các Phòng - ban ngành có liên quan để phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội, nhằm thiết lập trật tự kỷ cương, pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các tổ chức và công dân, nâng cao hiệu lực quản lý Nhà nước.

Điều 2. Phạm vi hoạt động

Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội các cấp trên địa bàn quận 12 có trách nhiệm chủ động kiểm tra và phối hợp với các ngành, các cấp trong việc kiểm tra các hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa; phòng, chống tệ nạn mại dâm, ma túy, đánh bạc và các hành vi vi phạm hành chính khác trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội.

Chương II

CHỨC NĂNG - NHIỆM VỤ - QUYỀN HẠN

Điều 3. Chức năng

Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội các cấp trên địa bàn quận 12 có chức năng kiểm tra, phát hiện và xác lập hồ sơ vi phạm pháp luật, đề xuất xử lý kịp thời trong các hoạt động văn hóa; dịch vụ văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội.

Điều 4. Nhiệm vụ

Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội các cấp trên địa bàn quận 12 có nhiệm vụ:

1. Thường xuyên theo dõi, khảo sát nắm tình hình, tổ chức kiểm tra các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa thông tin, kinh doanh dịch vụ văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn để tham mưu, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ đạo Liên ngành văn hóa - xã hội cùng cấp chỉ đạo các biện pháp nhằm ngăn chặn, đấu tranh với các tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

2. Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật phải yêu cầu đương sự đình chỉ ngay hành vi vi phạm, lập biên bản vi phạm hành chính, xác lập đầy đủ hồ sơ vi phạm và chuyển vụ việc cho cơ quan hoặc người có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Chuyên vụ việc vi phạm đến cơ quan tiến hành tố tụng hình sự có thẩm quyền đối với những trường hợp có dấu hiệu tội phạm.

Điều 5. Quyền hạn

Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội các cấp trên địa bàn quận 12 có quyền hạn:

1. Yêu cầu cơ quan, các tổ chức, cá nhân và các tổ chức đoàn thể các cấp phối hợp, hỗ trợ thực hiện công tác kiểm tra, xử lý vi phạm.

2. Yêu cầu chủ cơ sở hoạt động kinh doanh, người quản lý cơ sở kinh doanh chấp hành quyết định kiểm tra, xuất trình các giấy tờ liên quan, cung cấp đầy đủ các vấn đề có liên quan đến việc kiểm tra; đồng thời đề nghị chủ cơ sở kinh doanh dịch vụ phải hợp tác, hỗ trợ Đoàn Kiểm tra thực hiện tốt công tác kiểm tra, xử lý vi phạm theo đúng quy định của pháp luật.

3. Lập biên bản khi phát hiện hành vi vi phạm hành chính; thực hiện các quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đồng thời phải tiến hành theo đúng quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Đối với hành vi vi phạm hành chính vượt quá thẩm quyền xử lý của Đoàn Kiểm tra hoặc hành vi có dấu hiệu của tội phạm thì phải lập biên bản, chuyển tài liệu liên quan, tang vật, phương tiện vi phạm (nếu có) đến cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG

Điều 6. Cơ cấu của Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội các cấp trên địa bàn quận 12

Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội các cấp trên địa bàn quận 12 được tổ chức ở 02 cấp: quận và phường.

1. Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội quận 12

Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội quận 12 gồm: 01 Trưởng đoàn là Phó Trưởng Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao quận, hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 12.

Các thành viên trong Đoàn gồm các chuyên viên: Phòng Văn hóa - Thông tin, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Kinh tế, Công an, Đội Quản lý thị trường 12B, Quân sự.

2. Tổ Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội 11 phường

Tùy theo tình hình tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường xem xét quyết định số lượng, cơ cấu nhân sự Tổ Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội phường; phân công cán bộ có đủ năng lực và uy tín làm Tổ trưởng chỉ huy điều hành Tổ Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội để kiểm tra và xử lý, ngăn chặn kịp thời những hành vi vi phạm tại địa phương, đồng thời phối hợp với Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội thành phố Hồ Chí Minh và quận 12 khi có yêu cầu.

Điều 7. Thẩm quyền thành lập

1. Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội quận 12 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 12 ký quyết định thành lập, bổ nhiệm, miễn nhiệm Trưởng đoàn và các thành viên trong Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội theo đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao (kiêm Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo Liên ngành văn hóa - xã hội quận 12).

2. Căn cứ vào tình hình tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường xem xét quyết định thành lập, bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổ trưởng và các thành viên trong Tổ Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội theo đề nghị của Trưởng Ban Chỉ đạo liên ngành văn hóa - xã hội phường.

Điều 8. Hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội quận 12

1. Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội quận 12 làm việc theo cơ chế phối hợp do Trưởng đoàn điều hành mọi hoạt động chung của Đoàn và chịu trách nhiệm trước người có thẩm quyền bổ nhiệm được quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

Trưởng đoàn có trách nhiệm thông báo lịch công tác cho các thành viên tham gia Đoàn trước từ 3 đến 5 giờ đồng hồ hoặc đột xuất (khi cần thiết) và có nhận xét định kỳ 06 tháng, 01 năm về kết quả công tác của từng thành viên.

Các thành viên trong Đoàn chịu trách nhiệm trước Trưởng đoàn về những công việc đã được phân công theo chức năng, nhiệm vụ của ngành mình đang công tác.

2. Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội cấp nào do Ban Chỉ đạo Liên ngành văn hóa - xã hội cấp đó chỉ đạo, điều hành, giám sát hoạt động và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp.

3. Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội chỉ được tiến hành kiểm tra khi có ít nhất quá bán thành viên Đoàn cùng tham gia, trong đó phải có Trưởng đoàn và phải xuất trình quyết định thành lập Đoàn Kiểm tra, thẻ kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

**Chương IV
MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC****Điều 9. Mối quan hệ công tác****1. Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội quận 12**

a) Thực hiện nghiêm túc các chủ trương, quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố và chịu sự chỉ đạo điều hành trực tiếp của Thường trực Ban Chỉ đạo Liên ngành văn hóa - xã hội quận 12 (theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 12).

b) Phối hợp thực hiện nghiệp vụ đối với các phòng ban chức năng liên quan và Tổ Kiểm tra liên ngành phòng, chống tệ nạn xã hội 11 phường.

c) Tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chung, chương trình, kế hoạch tổ chức kiểm tra liên ngành (định kỳ, đột xuất); đồng thời báo cáo kịp thời các vụ việc lớn, phức tạp và kết quả xử lý trên địa bàn quận hoặc báo cáo nhanh theo yêu cầu đột xuất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Tổ Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội 11 phường

a) Chấp hành chủ trương, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 12 và

chịu sự chỉ đạo điều hành trực tiếp của Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành văn hóa - xã hội phường (theo sự phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường).

b) Chủ động thực hiện kiểm tra các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn, phối hợp với Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội thành phố, quận trong việc kiểm tra ngăn chặn và xử lý kịp thời những hành vi vi phạm trên địa bàn.

c) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, 6 tháng và 01 năm, báo cáo nhanh, kịp thời các vụ việc lớn và phức tạp, báo cáo vụ việc vi phạm và kết quả xử lý trên địa bàn.

3. Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội các cấp có nhiệm vụ phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể cùng cấp để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho Đoàn Kiểm tra hoạt động có hiệu quả, chịu trách nhiệm về tình hình, diễn biến vi phạm và kiểm tra xử lý các hành vi vi phạm về hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa và phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn mình quản lý.

4. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, các thành viên Đoàn Kiểm tra chịu sự chỉ đạo, phân công của Trưởng Đoàn; đề xuất các vấn đề có liên quan để Trưởng đoàn kịp thời có biện pháp giải quyết, xử lý hoặc báo cáo cơ quan cấp trên có thẩm quyền giải quyết.

Điều 10. Cơ chế phối hợp hoạt động

1. Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội ở các cấp trên cùng một địa bàn phải thống nhất xây dựng kế hoạch kiểm tra hàng tháng, quý và cả năm nhằm hạn chế việc chồng chéo và nâng cao hiệu quả hoạt động kiểm tra.

2. Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc thực hiện công tác kiểm tra, phòng ngừa, phát hiện, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

3. Mọi kế hoạch, thông tin về công tác kiểm tra được bảo mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước.

Chương V

KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

Điều 11. Kinh phí hoạt động

Kinh phí hoạt động của công tác kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội quận,

phường do ngân sách quận, phường cấp từ ngân sách địa phương và các khoản thu nộp phạt đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội trên địa bàn quản lý.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, phường chịu trách nhiệm bố trí ngân sách, quản lý kinh phí và duyệt chi công tác phí, bồi dưỡng, phương tiện, công cụ hỗ trợ phục vụ trong quá trình kiểm tra, nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội trên địa bàn quận.

Điều 12. Phụ cấp, phương tiện hoạt động

1. Chế độ phụ cấp: Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội được hưởng tiền làm thêm giờ, làm đêm theo quy định của Bộ Luật Lao động; được bồi dưỡng ăn đêm nếu làm việc trong thời gian từ 21 giờ đến 5 giờ sáng hôm sau theo quy định của Nhà nước.

2. Phương tiện hoạt động

Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội được trang bị đầy đủ các phương tiện phục vụ cần thiết như: thẻ kiểm tra, được trang bị công cụ hỗ trợ... để thực hiện chức trách của mình; có trách nhiệm trong việc sử dụng và bảo quản tốt phương tiện được cấp.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 13. Chế độ khen thưởng

1. Khen thưởng đột xuất do đạt thành tích xuất sắc trong các đợt công tác cao điểm, hàng năm theo quy định chung của Nhà nước.

2. Thành viên của Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội trong khi thi hành nhiệm vụ, nếu bị thiệt hại về tài sản, sức khỏe, tính mạng thì được hưởng chế độ trợ cấp, đền bù theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 178/2004/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ.

Điều 14. Xử lý vi phạm

1. Sau khi lập biên bản thống nhất các hành vi vi phạm của cơ sở kinh doanh dịch vụ, Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội quận, phường chuyên giao biên bản, hồ sơ có liên quan về cho Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao quận 12 để tham mưu hình thức xử lý trước khi trình cho Hội đồng xử lý vi phạm về lĩnh vực văn hóa - thông tin và phòng, chống tệ nạn xã hội quận 12 xem xét quyết định.

2. Trong khi thi hành nhiệm vụ, nếu thành viên của Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội có hành vi vi phạm hoặc lạm dụng quyền hạn, vi phạm pháp luật thì Trưởng đoàn có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản cho Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp thành viên đó và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp để tùy theo mức độ vi phạm của người đó mà xử lý kỷ luật. Việc xử lý hành vi vi phạm được thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan có liên quan

1. Trách nhiệm của Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao

Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao là cơ quan thường trực về công tác kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội có trách nhiệm:

a) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 12 điều hành hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội quận và 11 phường. Chủ trì các cuộc họp giao ban định kỳ, đột xuất; tổng hợp và dự thảo báo cáo, xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội trình Ủy ban nhân dân quận 12.

b) Thành lập Tổ công tác thường trực giúp việc cho Ban Chỉ đạo liên ngành văn hóa - xã hội quận 12 gồm 4 cán bộ trong định biên của Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao và do Phó Trưởng Ban Thường trực Ban Chỉ đạo trực tiếp chỉ đạo.

c) Chủ động đề xuất nhân sự của Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội quận 12 và đảm bảo bố trí đủ cán bộ theo Quy chế đề ra.

d) Chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch dự trù kinh phí hoạt động của Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội quận 12 hàng năm và quyết toán kinh phí theo quy định của Bộ Tài chính.

2. Trách nhiệm của Thủ trưởng các phòng, ban, ngành liên quan

Thủ trưởng các Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Kinh tế, Đội Quản lý thị trường 12B, Công an quận có trách nhiệm cử cán bộ có đủ phẩm chất đạo đức, năng lực tham gia Đoàn Kiểm tra liên ngành văn hóa - xã hội quận 12 và tạo mọi điều kiện thuận lợi để cán bộ tham gia Đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường

Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường có trách nhiệm thành lập, bảo đảm về nhân sự và chế độ, chính sách, kinh phí hoạt động của Tổ Kiểm tra liên ngành văn

hóa - xã hội cùng cấp thực hiện đúng quy định của Quy chế này.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các phòng, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị mình quản lý có biện pháp tổ chức, phối hợp thực hiện nghiêm túc nội dung Quy chế này.

2. Giao cho Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao trực tiếp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế và tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy chế để tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân quận xem xét, giải quyết.

3. Việc bổ sung, sửa đổi, điều chỉnh Quy chế do Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa Thông tin - Thể thao (cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành văn hóa - xã hội quận 12)/.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2007/QĐ-UBND

Quận 12, ngày 11 tháng 6 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Phòng Y tế quận 12

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 172/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và Thông tư liên tịch số 11/2005/TTLT-BYT-BNV ngày 12 tháng 4 năm 2005 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân quản lý Nhà nước về y tế ở địa phương;

Căn cứ Công văn số 6330/SYT-TCCB ngày 25 tháng 10 năm 2006 của Sở Y tế về quy chế mẫu Phòng Y tế quận, huyện;

Căn cứ Quyết định số 279/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 12 về việc thành lập Phòng Y tế trực thuộc Ủy ban nhân dân quận 12;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Y tế và Trưởng Phòng Nội vụ quận,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế quận.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 7 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận, Trưởng

Phòng Y tế, Trưởng Phòng Nội vụ quận và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Y tế quận 12

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 12/2007/QĐ-UBND
ngày 11 tháng 6 năm 2007 của Ủy ban nhân dân quận 12)*

Chương I

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 1. Chức năng

1. Phòng Y tế quận 12 là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận 12, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn quận, gồm: Y tế dự phòng, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng, y học cổ truyền, thuốc phòng, chữa bệnh cho người, mỹ phẩm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, an toàn vệ sinh thực phẩm, trang thiết bị y tế; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận, Sở Y tế và theo quy định của pháp luật; góp phần bảo đảm sự thống nhất quản lý của ngành hoặc lĩnh vực công tác ở địa phương.

2. Phòng Y tế quận 12 chịu sự chỉ đạo, quản lý về mặt tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân quận, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra về chuyên môn nghiệp vụ của Sở Y tế.

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định, chỉ thị về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý Nhà nước được giao.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm và hàng năm về lĩnh vực quản lý Nhà nước được giao.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính Nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước được giao.

4. Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sau

khi được phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi được giao.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận thực hiện và chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đăng ký, cấp giấy phép kinh doanh thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật và theo phân công của Ủy ban nhân dân quận.

6. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận quản lý Nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và tổ chức phi chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc các lĩnh vực quản lý của cơ quan chuyên môn theo quy định của pháp luật.

7. Hướng dẫn nghiệp vụ về lĩnh vực quản lý Nhà nước về y tế cho tuyến phường.

8. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin lưu trữ phục vụ công tác quản lý Nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn.

9. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất và chuyên đề về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và Sở Y tế.

10. Kiểm tra, thanh tra theo ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách đối với tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật; giải quyết các khiếu nại, tố cáo, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

11. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức thuộc phạm vi quản lý của cơ quan theo quy định của pháp luật, theo sự phân công của Ủy ban nhân dân quận.

12. Quản lý tài chính, tài sản của cơ quan theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

13. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân quận giao.

Nhiệm vụ cụ thể:

1. Phòng Y tế có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành y tế về vệ sinh, phòng, chống dịch bệnh, khám bệnh, phục hồi chức năng, vệ sinh an toàn thực phẩm, mỹ phẩm, dược, trang thiết bị y tế; tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận trong việc xử lý vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế và Ủy ban nhân dân quận.

2. Phòng Y tế có nhiệm vụ tiếp nhận, hướng dẫn việc đăng ký lập hồ sơ, hoàn chỉnh thủ tục theo phân cấp để trình Sở Y tế xét duyệt cấp giấy chứng chỉ hành nghề, giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề y, dược tư nhân.

3. Kiểm tra và thẩm định việc cấp giấy chứng nhận đủ tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh và phân phối thực phẩm nằm trên địa bàn thuộc phân cấp cho tuyến quận quản lý.

4. Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm phòng ngộ độc thực phẩm và các bệnh lây truyền qua thực phẩm theo hướng dẫn của cấp trên.

5. Tham mưu Ủy ban nhân dân quận để thành lập các đoàn thanh, kiểm tra liên ngành, chủ trì lập kế hoạch và triển khai thanh tra, kiểm tra đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn theo phân cấp quản lý. Đề xuất với Thanh tra Sở Y tế, Ủy ban nhân dân quận ra quyết định xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm, về hành nghề y, dược tư nhân theo quy định, theo dõi các quyết định xử phạt.

6. Chủ trì phối hợp các hoạt động phòng, chống dịch bệnh, các hoạt động y tế trong đối phó thiên tai, thảm họa.

Ngoài những nhiệm vụ và quyền hạn nêu trên Phòng Y tế còn được Ủy ban nhân dân quận ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ và quyền hạn xét thấy cần thiết, do Ủy ban nhân dân quận quy định cụ thể bằng văn bản.

Chương II

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ BIÊN CHẾ

Điều 3. Cơ cấu tổ chức bộ máy

1. Phòng Y tế làm việc theo nguyên tắc Thủ trưởng.

2. Phòng Y tế quận do Trưởng phòng phụ trách và từ 01 đến 02 Phó Trưởng phòng giúp việc và một số cán bộ chuyên trách.

3. Trưởng Phòng Y tế là người đứng đầu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Phòng do mình phụ trách.

4. Trưởng Phòng Y tế được sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân quận theo quy định về thừa ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

5. Trưởng Phòng Y tế căn cứ các quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận xây dựng nội quy, chế độ thông tin báo cáo của cơ quan và chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện nội quy đó.

6. Trưởng Phòng Y tế chịu trách nhiệm về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan mình và các công việc được Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và Sở Y tế về tổ chức, hoạt động của cơ quan mình; xin ý kiến về những vấn đề vượt quá thẩm quyền và báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận khi được yêu cầu; phối hợp với thủ trưởng cơ quan chuyên môn, các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp giải quyết những vấn đề liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

7. Phó Trưởng Phòng Y tế là người giúp Trưởng phòng chỉ đạo một số mặt công tác và chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng.

8. Kinh phí hoạt động của Phòng Y tế quận và việc sử dụng con dấu Quốc huy của Ủy ban nhân dân quận thực hiện theo quy định về thừa ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận.

9. Việc phân công, điều động viên chức trong nội bộ Phòng Y tế do Trưởng phòng quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Biên chế

Căn cứ vào đặc điểm, tình hình phát triển sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trên địa bàn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quyết định biên chế theo quyết định của Bộ Nội vụ là 05 - 07 biên chế để đáp ứng nhiệm vụ quản lý Nhà nước về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trong tổng biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

Chương III

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 5. Chế độ làm việc

5.1. Chế độ hội họp

5.1.1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và đề ra công tác cho tuần tiếp theo, đồng thời triển khai kịp thời chủ

trương, nghị quyết, chính sách, chỉ thị của Đảng, những nhiệm vụ mới phát sinh cho cán bộ, công nhân viên thực hiện.

5.1.2. Đơn vị làm việc theo kế hoạch tuần, tháng, quý, năm. Mỗi thành viên phụ trách từng bộ phận phải có lịch công tác từng thời kỳ đó, lãnh đạo trực tiếp kiểm tra, giám sát. Chấp hành quy chế của ngành và quy chế của Ủy ban nhân dân quận cũng như nội quy của cơ quan.

5.1.3. Lịch hội họp và làm việc với các cơ sở, đơn vị, cá nhân có liên quan phải được nêu cụ thể trong lịch công tác tuần, tháng của Phòng Y tế. Nội dung làm việc phải được chuẩn bị chu đáo để kịp thời giải quyết các yêu cầu, nguyện vọng của đối tượng có liên quan đến hoạt động chuyên môn.

5.1.4. Hàng tháng, quý, 6 tháng và cuối năm, Phòng thực hiện báo cáo sơ, tổng kết công tác theo quy định.

5.1.5. Phòng có quyền triệu tập cuộc họp đột xuất để triển khai các công việc cần thiết và cấp bách theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân quận hoặc của lãnh đạo Sở Y tế.

5.2. Chế độ làm việc

5.2.1. Thực hiện theo quy định chung của Nhà nước và theo cơ chế “một cửa, một dấu”.

5.2.2. Cán bộ, công chức của Phòng đều có chức danh, nhiệm vụ cụ thể, đồng thời phải mặc trang phục và đeo thẻ công chức theo quy định.

5.2.3. Cán bộ, công chức phải có thái độ, phong cách làm việc lịch sự, tận tụy, khiêm tốn, tôn trọng, lắng nghe và tiếp thu các ý kiến của Trưởng phòng, của đồng nghiệp, cũng như của khách đến liên hệ công tác.

Điều 6. Quan hệ công tác

Phòng Y tế quận có các mối quan hệ công tác như sau:

6.1. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

6.1.1. Phòng Y tế chịu sự lãnh đạo và quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân quận.

6.1.2. Phòng Y tế có trách nhiệm tham mưu giúp Ủy ban nhân dân quận kiểm tra hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn quận nhằm thúc đẩy sự nghiệp y tế trong quận phát triển không ngừng.

6.1.3. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân quận về quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành y tế quận 12.

6.1.4. Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ thị của Thường trực Ủy ban nhân dân quận và phải thường xuyên báo cáo với Ủy ban nhân dân quận về việc thực hiện những mặt công tác đã được phân công và chủ động đề xuất các biện pháp chuyên môn nghiệp vụ về công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực y tế.

6.2. Đối với Sở Y tế thành phố:

6.2.1. Phòng Y tế chịu sự chỉ đạo và quản lý về chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý của Sở Y tế thành phố.

6.2.2. Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Sở Y tế về chuyên môn; tham dự đầy đủ các cuộc họp và tập huấn nghiệp vụ do Sở Y tế triệu tập.

6.3. Đối với Trung tâm Y tế Dự phòng quận; Bệnh viện quận; Trạm Y tế phường:

6.3.1. Thực hiện tốt mối quan hệ phối hợp và hợp tác bình đẳng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định.

6.3.2. Phòng Y tế phối hợp với Bệnh viện quận trong hoạt động thanh kiểm tra hành nghề y, dược tư nhân trên địa bàn quận.

6.3.3. Phòng Y tế phối hợp với Trung tâm Y tế Dự phòng quận trong hoạt động thanh kiểm tra lĩnh vực y tế dự phòng trên địa bàn quận.

6.3.4. Phối hợp với Trạm Y tế phường trong giám sát hoạt động hành nghề y tế tư nhân trên địa bàn phường.

6.4. Đối với Ủy ban nhân dân phường:

6.4.1. Là mối quan hệ phối hợp, hướng dẫn Ủy ban nhân dân phường thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý hành chính Nhà nước về các lĩnh vực y tế có ảnh hưởng đến sức khỏe cho nhân dân trên địa bàn phường.

6.4.2. Cung cấp cho Ủy ban nhân dân phường các tài liệu, thông tin cần thiết phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước; đồng thời hỗ trợ kết hợp thực hiện chế độ thanh tra, kiểm tra chuyên ngành tại địa phương khi có yêu cầu.

6.5. Đối với các phòng ban, ban, ngành, đoàn thể:

Khi các tổ chức trên có yêu cầu, kiến nghị những vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo quy định.

6.6. Đối với các cơ quan, xí nghiệp, trường học trên địa bàn quận:

Các cơ quan, xí nghiệp, trường học trên địa bàn quận đều phải chịu sự hướng dẫn, kiểm tra và phối hợp với Phòng Y tế thực hiện công tác quản lý hành chính Nhà nước về y tế tại đơn vị.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 7.

Trưởng Phòng Y tế có trách nhiệm thực hiện Quy chế này sau khi được Ủy ban nhân dân quận quyết định chính thức và trong quá trình thực hiện cần rút kinh nghiệm, đề xuất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy chế, sau khi có sự trao đổi thống nhất với Phòng Nội vụ quận.

Thủ trưởng các đơn vị, phòng ban, Ủy ban nhân dân phường, các đơn vị có liên quan trên địa bàn quận 12 phối hợp thực hiện Quy chế này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đặng Văn Đức

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Công ty TNHH 1 thành viên in Người Lao Động

Giá: 5.000 đồng